

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 41/2017/HSST

Ngày: 27-12-2017

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vụ: Võ Tùng D “Sử dụng internet thực
hiện hành vi chiếm đoạt TS”; Nguyễn Đức H
“Tiêu thụ TS do người khác PT mà có”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Xuân Bình – Phó Chủ tịch UBMT tổ quốc Việt Nam huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị;

2. Ông Nguyễn Văn Thảo Nguyên – Phó Trưởng phòng chính trị, tư tưởng Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Trị (Giáo viên);

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Long - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân An - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 33/2017/HSST ngày 31/10/2017, đối với các bị cáo:

1. Võ Tùng D (tên gọi khác: Không), sinh ngày 01 tháng 12 năm 1999 tại Quảng Trị; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn K, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 10/12; con ông Võ Đ và bà Nguyễn Thị B.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/02/2017 đến ngày 12/7/2017. Đến nay đang được TAND tỉnh Quảng Trị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Đức H (tên gọi khác: Không), sinh ngày 02 tháng 10 năm 1999 tại Quảng Trị; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Khu phố 3, Phường 1, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Sinh viên; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Nguyễn Đức Q và bà Trần Thị L.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị tạm giam theo lệnh tạm giam số 81 ngày 07/12/2017 của cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nghệ An (Có mặt tại phiên tòa).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo:

- Ông Võ Đ - Sinh 1966; trú tại: Thôn K, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Trị là bố của bị cáo Võ Tùng D.

- Bà Nguyễn Thị B - Sinh 1966; trú tại: Thôn K, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Trị là mẹ của bị cáo Võ Tùng D.

Người bị hại:

- Chị Nguyễn Trang Cẩm M, sinh năm 1987; Hộ khẩu thường trú: Số 16, đường DC 5, phường S, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

- Chị Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1988; Hộ khẩu thường trú: Số 21, đường D, Phường 15, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

- Chị Nguyễn Thị Ngọc O, sinh năm 1981; Hộ khẩu thường trú: Số 114C, Khu phố 7, phường M, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khi đang học lớp 10 Trường THPT thị xã Quảng Trị, qua tìm hiểu trên mạng internet, Võ Tùng D biết được cách thức sử dụng mạng internet để chiếm đoạt tài sản của người khác. Đầu tiên, D truy cập vào trang web wix.com, sau đó đăng ký một tài khoản sử dụng trên trang web này. Với tài khoản D đăng ký trên win.com, D tạo ra một website có tên transfermoney.win.com chỉ duy nhất dương sử dụng được. Tiếp theo, D tạo ra các trang web con của website transfermoney.win.com. Trên trang web con này D thiết kế các mục, bao gồm: Tên ngân hàng, chủ thẻ, dãy số in trên thẻ, hiệu lực thẻ,...Mục đích là để lừa bị hại vào trang web này và điền những thông tin cá nhân vào đây và D sẽ sử dụng những thông tin này để truy cập vào tài khoản ngân hàng của bị hại thông qua dịch vụ internet banking để rút tiền của họ.

Sau khi lập được website, D thực hiện hành vi chiếm đoạt tài khoản facebook của những người Việt Nam đang định cư ở nước ngoài rồi mạo danh chủ nhân facebook (đã chiếm đoạt) chat với bạn bè, người thân của họ đề nghị mượn số tài khoản ngân hàng để chuyển tiền từ nước ngoài về Việt Nam.

Có được thông tin tài khoản ngân hàng do bị hại cung cấp (bao gồm: tên tài khoản, số tài khoản, số điện thoại đăng ký tài khoản), D truy cập vào trang web <https://www.vianett.com> để đăng ký tin nhắn miễn phí có mã vùng nước ngoài rồi nhắn tin đến số điện thoại của bị hại với nội dung tài khoản ngân hàng của bạn đã nhận được tiền từ một tài khoản ngân hàng nước ngoài và cung cấp đường link đến trang web do D tự lập rồi yêu cầu bị hại truy cập vào đường link này và điền các thông tin nhận tiền. Sau khi nhận được những thông tin của bị hại cung cấp D đăng nhập bất hợp pháp vào tài khoản ngân hàng của bị hại và chuyển toàn bộ số tiền có

trong tài khoản đến tài khoản ví điện tử VTC Pay (thuộc sở của công ty VTC Công nghệ và nội dung số, trụ sở đóng tại thành phố Hà Nội) do D mở tại trang web 365.vtc.vn.

Sau đó D tiếp tục chat với bị hại, yêu cầu nhập mã OTP vì khi thực hiện giao dịch chuyển tiền thông qua internetbanking cần phải có mã xác nhận OTP gửi về số điện thoại của chủ tài khoản. Khi bị hại nhập mã OTP vào D có đầy đủ thông tin, mã số và điền vào hệ thống chuyển tiền internetbanking để chuyển toàn bộ số tiền trong tài khoản của bị hại đến ví điện tử VTC Pay của D và hoàn thành việc chiếm đoạt tài sản.

Với phương thức và thủ đoạn nêu trên bị cáo D đã sử dụng mạng internet thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản như sau:

Tối ngày 11/3/2016, D rủ bạn là Nguyễn Đức H đi chơi game online tại quán internet số 01 đường Z, thị xã Q. Tại đây, D đã truy cập được vào facebook “Manh Nguyen” là một người Việt kiều đang sinh sống ở nước ngoài. D dò lịch sử trò chuyện của facebook “Manh Nguyen” rồi mạo danh facebook “Manh Nguyen” chat với facebook “Cam M Nguyen Trang”. Lúc đầu, D nói chuyện, hỏi thăm bình thường sau khi tạo được lòng tin với chị M, D đã sử dụng các phương pháp, thủ đoạn như trên để lấy các thông tin cá nhân của chị M về tài khoản ngân hàng của chị (như: số tài khoản, tên chủ tài khoản, số điện thoại đăng ký tài khoản và tên ngân hàng). Sau khi lừa được chị M điền các thông tin theo yêu cầu của D thì D đã thực hiện thao tác truy cập vào tài khoản ngân hàng của chị M vào thời điểm đó tài khoản chị M có số tiền là 150.000.000 đồng. Để hoàn tất việc chuyển tiền từ tài khoản chị M đến tài khoản ví điện tử do D tạo ra cần phải có mã xác nhận OTP. Vì vậy, D mạo danh tài khoản facebook “Manh Nguyen” để chat với chị M rồi lấy mã OTP. Sau khi có được mã OTP D nhập mã này vào hệ thống internet banking để hoàn thành thủ tục chuyển tiền với số tiền 150.000.000 đồng từ tài khoản chị M chuyển sang tài khoản ví điện tử của D.

Ngoài hành vi chiếm đoạt tài sản của chị Nguyễn Trang Cẩm M cũng với phương thức, thủ đoạn nêu trên ngày 23/3/2016 D đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của chị Nguyễn Thị Thanh N số tiền 48.030.091 đồng và ngày 24/3/2016 chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Ngọc O số tiền 76.535.750 đồng.

Tổng số tiền trong ba lần chiếm đoạt tài sản trên của bị cáo D là 274.565.841 đồng.

Đối với hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của Nguyễn Đức H thể hiện như sau:

Tối ngày 11/3/2016, sau khi chiếm đoạt được số tiền 150.000.000 đồng từ tài khoản của chị M. D nhờ H liên lạc với chị Phan Thị Thúy V (sinh năm 1982, trú tại Khu phố 4, Phường 3, thị xã Q) để bán số tiền trong tài khoản vừa chiếm được thành tiền mặt. D nói với H muốn bán 142.000.000 đồng tiền ví điện tử (còn 8.000.000 đồng D sử dụng vào mục đích chơi game hết). Sau khi liên lạc được với

chị V, H trao đổi như yêu cầu của D muốn bán 142.000.000 đồng tiền ví điện tử, chị V nói có gì liên lạc lại cho H. Sau đó, chị V liên lạc lại với chị Thiều Thị A (sinh năm 1984, HKTT: Tổ 1, ấp S, xã H, huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu) là người chuyên mua tiền ví điện tử. Chị A đồng ý mua và thỏa thuận 1.000.000 đồng tiền ví điện tử sẽ trả cho chị V 900.000 đồng tiền mặt. Sau khi thỏa thuận với chị A xong, chị V điện thoại lại cho H đồng ý mua với giá 1.000.000 đồng tiền ví điện tử thanh toán 870.000 đồng, tức là 142.000.000 đồng sẽ thanh toán thành tiền mặt 123.540.000 đồng. H nói lại với D việc trao đổi mua bán với chị V và được D đồng ý. Đến chiều ngày 12/3/2016, H liên lạc với chị V là đã có tiền nên chở D qua nhà chị V lấy. D đứng ngoài sân còn H vào nhà chị V lấy. Khi lấy tiền xong ra về, D hỏi H có muốn mua điện thoại iphone 6s không D hỗ trợ cho 10.000.000 đồng. Rồi D lấy ra 20.000.000 đồng đưa cho H và nói “Cho mi 10.000.000 đồng và cho mượn thêm 10.000.000 đồng nữa mua iphone 6s, lúc mô có thì trả 10.000.000 đồng cho tau”. H cầm lấy số tiền, vài ngày sau trả lại cho D 10.000.000 đồng và nói không mua điện thoại nữa. Qua quá trình điều tra, H đã thừa nhận hành vi tiêu thụ số tiền 141.999.000 đồng có trong ví điện tử của D do phạm tội mà có. Bản thân H mặc dù không biết rõ D chiếm đoạt số tiền trên của ai, chiếm đoạt như thế nào nhưng H nhận thức và hiểu rõ được số tiền trong ví điện tử của Dương nhờ H tiêu thụ là do phạm tội mà có. Vì trước đây khi đi chơi cùng D, nhiều lần H hỏi D bày cách sử dụng để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản người khác nhưng do quá nhiều thao tác nên D chỉ bày sơ qua, sau đó H cũng có nhiều lần chiếm đoạt tài khoản của người khác nhưng trong tài khoản đều không có tiền. Mặc dù hai bên không có sự hứa hẹn, hay trao đổi trước nhưng H nhận thức và biết rõ tài sản đó là do D phạm tội mà có.

Tại bản cáo trạng số 14/QĐ/KSĐT-KT ngày 30/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng trị đã truy tố các bị cáo Võ Tùng D phạm tội “Sử dụng mạng internet thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 226b (dẫn chiếu tại điểm b khoản 1 Điều 226b) và bị cáo Nguyễn Đức H phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 250 của Bộ luật hình sự.

Đối với chị Phan Thị Thúy V và chị Thiều Thị A là những người mua tiền trong các ví điện tử do D chiếm đoạt được của các bị hại, khi mua chị V và chị A không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 226b; điểm g khoản 1 Điều 48; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 69; Điều 74 của BLHS, xử phạt: Võ Tùng D từ 30 – 36 tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 250; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 69; Điều 74 của BLHS, xử phạt: Nguyễn Đức H từ 12 – 18 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, D đã tác động gia đình bồi thường cho chị Nguyễn Trang Cẩm M 50.000.000 đồng, bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thanh N 10.000.000 đồng và chị Nguyễn Thị Ngọc O 10.000.000 đồng. Các bị hại yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại.

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ toàn bộ nội dung các đoạn chat trên facebook giữa bị cáo và các bị hại, các list chuyển tiền của chị V cho chị A và ngược lại. Các tài liệu này được quản lý theo hồ sơ vụ án.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

Từ ngày 11/3/2016 đến ngày 24/3/2016, bị cáo Võ Tùng D do ăn chơi đua đòi, muốn tìm kiếm tiền bất chính nên sử dụng máy tính vào mạng internet để chiếm đoạt tài sản bằng cách xâm nhập trái phép vào tài khoản facebook để chiếm đoạt luôn tài khoản facebook này. Bị cáo nghiên cứu lịch sử trò chuyện để tiến hành nhắn tin với những người quen của chủ tài khoản facebook mà bị cáo đang chiếm giữ. Sau khi tạo được lòng tin của các bị hại, bị cáo yêu cầu bị hại cung cấp số tài khoản, tên ngân hàng, số điện thoại, rồi sử dụng các phương thức, thủ đoạn như trên để chiếm lấy số tiền có trong các tài khoản ngân hàng của các bị hại (Nguyễn Trang Cẩm M, Nguyễn Thị Thanh N, Nguyễn Thị Ngọc O) với tổng số tiền 274.565.841 đồng. Hành vi của bị cáo Võ Tùng D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng mạng internet thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 226b của Bộ luật hình sự năm 1999.

Đối với Nguyễn Đức H biết rõ tài sản Võ Tùng D có được là do phạm tội mà có, mặc dù không hứa hẹn trước nhưng vẫn giúp D tiêu thụ tài sản đó thông qua việc bán giúp D 141.999.000 đồng có trong ví điện tử. Hành vi của bị cáo H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có ” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 250 của Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử thấy: Trên địa bàn tỉnh Quảng Trị tội phạm về công nghệ xuất hiện gần đây có chiều hướng ngày càng gia tăng với tính chất và thủ đoạn tinh vi hơn. Đối tượng thực hiện tội phạm này phần lớn là thanh, thiếu niên không lo ăn học mà đua đòi ăn chơi, tham gia vào các trò chơi trên mạng và theo những bạn bè xấu để học cách sử dụng internet chiếm đoạt tài sản của người khác nhằm tiêu xài cá nhân. Bản thân bị cáo D khi phạm tội mới 16 tuổi 03 tháng 10 ngày, bị cáo H khi phạm tội mới đủ 16 tuổi 05 tháng 10 ngày, các bị cáo đều có tuổi đời còn trẻ. Vì vậy, cần phải xử phạt nghiêm đối với các bị cáo để răn đe, giáo dục và nhằm phòng ngừa chung, tuy nhiên cũng cần xem xét chính sách hình sự đối với các bị cáo khi phạm tội chưa đến tuổi thành niên. Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, các bị cáo đã

thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh truy tố là đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng: Bị cáo D thực hiện hành vi phạm tội ba lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS 1999. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là “thành khẩn khai báo”, “ăn năn hối cải”; đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại “nhằm khắc phục hậu quả” do mình gây ra; được các bị hại trong vụ án có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, gia đình có công với cách mạng được quy định tại các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS 1999. Mặt khác, vào thời điểm thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo là những người chưa thành niên nên cần áp dụng chính sách hình sự được quy định tại Điều 69, Điều 74 BLHS. Bị cáo D có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu nên cũng cần xem xét, đánh giá, cân nhắc, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo và không nhất thiết áp dụng hình phạt tù giam, để phù hợp với chính sách hình sự mới đối với người chưa thành niên phạm tội. Thể hiện sự khoan hồng của pháp luật nhằm tạo điều kiện cho bị cáo tiếp tục học hành và phấn đấu, tu dưỡng thành người có ích cho xã hội. Bị cáo D có chỗ ở ổn định rõ ràng, nhân thân tốt thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giao bị cáo cho UBND xã T và gia đình giám sát giáo dục cũng đủ điều kiện cảm hóa giáo dục bị cáo trở thành người tốt. Đối với bị cáo H được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là “thành khẩn khai báo”, “ăn năn hối cải”; đã trả lại cho D số tiền 10.000.000 đồng trước đây D cho H “nhằm khắc phục hậu quả” được quy định tại các điểm b, p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999. Bị cáo H cũng như D thời điểm phạm tội là người chưa thành niên, nhận thức pháp luật còn hạn chế. Tuy nhiên, trong thời gian chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo đã bị bắt về hành vi phạm tội ở một nơi khác, hiện đang bị Công an tỉnh Nghệ An bắt tạm giam để điều tra về tội “Sử dụng mạng internet thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” quy định tại Điều 226b BLHS năm 1999. Xem xét mức hình phạt đối với H thấy rằng H có nhiều tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 46 cần áp dụng Điều 47, Điều 69, Điều 74 BLHS xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Do bị cáo đang bị tạm giam về một tội phạm khác, vì vậy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tính răn đe, giáo dục bị cáo trở thành tốt.

Hành vi của chị Phan Thị Thúy V và chị Thiều Thị A là những người mua tiền trong các ví điện tử do D chiếm đoạt được của các bị hại, khi mua chị V và chị A không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không xem xét trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đều có yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại. Quá trình điều tra, D đã tác động gia đình bồi thường cho chị Nguyễn Trang Cẩm M 50.000.000 đồng còn phải tiếp tục bồi thường 100.000.000 đồng; bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thanh N 10.000.000 đồng còn phải tiếp tục

bồi thường 38.030.091 đồng và chị Nguyễn Thị Ngọc O 10.000.000 đồng còn phải bồi thường 66.535.750, đồng

Về vật chứng vụ án: Thu giữ toàn bộ nội dung các đoạn chat trên facebook giữa bị cáo và các bị hại, các list chuyển tiền của chị V cho chị A và ngược lại. Các tài liệu này được quản lý theo hồ sơ vụ án.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST và DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Võ Tùng D phạm tội “ Sử dụng mạng internet thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 226b; điểm g khoản 1 Điều 48; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 60, Điều 69; Điều 74 của BLHS, xử phạt: Võ Tùng D 36 (Ba mươi sáu) tháng tù (được trừ đi thời gian bị tạm giam trước đó từ ngày 13/02/2017 đến ngày 12/7/2017 là 5 tháng) nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Quảng Trị giám sát giáo dục, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức H phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 250; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 69; Điều 74 của BLHS, xử phạt: Nguyễn Đức H 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án .

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 BLHS; khoản 2 Điều 586; điều 589 Bộ luật dân sự; Bị cáo D đã tác động gia đình bồi thường 70.000.000 đồng cho các bị hại, bị cáo tiếp tục còn phải bồi thường 204.565.841 đồng cho các bị hại, [trong đó: Bồi thường cho chị Nguyễn Trang Cẩm M: 100.000.000 (Một trăm triệu triệu) đồng; chị Nguyễn Thị Thanh N: 38.030.091 (Ba mươi tám triệu không trăm ba mươi nghìn không trăm chín mươi một) đồng; chị Nguyễn Thị Ngọc O: 66.535.750 (Sáu mươi sáu triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi) đồng].

“Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.”

Về vật chứng vụ án: Thu giữ toàn bộ nội dung các đoạn chat trên facebook giữa bị cáo và các bị hại, các list chuyển tiền của chị V cho chị A và ngược lại. Các tài liệu này được quản lý theo hồ sơ vụ án.

Về án phí: Buộc bị cáo Võ Tùng D, Nguyễn Đức H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST và bị cáo D phải chịu thêm 10.228.292 (Mười triệu hai trăm hai mươi tám nghìn hai trăm chín mươi hai) đồng án phí DSST.

Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, (người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Công an tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người ĐDHP của bị cáo;
- UBND xã T;
- Tổ HCTP; Phòng KTNV;
- Lưu: HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Đức Tân

